

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Trịnh Thanh Tùng

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Đem - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Huỳnh H**, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: khóm D, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Sơn P**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2020 (BL01), cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Huỳnh H trình bày: Vào năm 2018 chị Thạch Thị Huỳnh H và anh Sơn P có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán, có đến Ủy ban nhân dân phường P để đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/02/2018. Sau khi kết hôn thì chị H và anh P sống tại nhà cha mẹ ruột của chị H tại khóm D, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng dần phát hiện cả hai không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nữa nên thường xảy ra mâu thuẫn với nhau và anh P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh P để sống từ ngày

16/3/2020 cho đến nay. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau chị H và anh P có với nhau 02 người con chung tên Sơn Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/8/2018 (nữ); Sơn Huỳnh P, sinh ngày 06/8/2018 (nam), về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/8/2018 (nữ); Sơn Huỳnh P, sinh ngày 06/8/2018 (nam), đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2020 (BL23) cũng như tại phiên hòa giải ngày 01/6/2020 (BL36) bị đơn anh Sơn P trình bày: Vào năm 2018 anh Sơn P và chị H có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán, có đến Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước để đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/02/2018. Sau khi kết hôn thì anh P và chị H sống tại nhà cha mẹ ruột của chị H tại khóm D, phường P, thị xã Vc, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng về sau thường xảy ra mâu thuẫn với nhau nên anh P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh P để sống từ ngày 16/3/2020 cho đến nay, trong thời gian chung sống với nhau có 02 đứa con chung tên Sơn Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/8/2018 (nữ); Sơn Huỳnh P, sinh ngày 06/8/2018 (nam), về tài sản chung, nợ chung không có. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh P, anh P không đồng ý ly hôn vì anh P còn thương vợ, thương con mong hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy Nên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh P, giao con chung là cháu Sơn Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/8/2018 (nữ); Sơn Huỳnh P, sinh ngày 06/8/2018 (nam) cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh P, nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Huỳnh H, nhận thấy hôn nhân của chị H và anh P là tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ

chức lễ cưới vào năm 2018, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/02/2018. Quan hệ hôn nhân của chị H và anh P không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến tháng 3 năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị H nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên có nguyện vọng ly hôn. Chị H và anh P đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Đối với anh P thì không đồng ý ly hôn với chị H lý do còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn, nhưng từ ngày ly thân cho đến nay thì vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Trong giai đoạn hòa giải mặc dù đã được Tòa án động viên đoàn tụ nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn với anh P. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã phân tích, động viên chị H suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh P, nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị H và anh P có 02 người con chung tên Sơn Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/8/2018 (nữ); Sơn Huỳnh P, sinh ngày 06/8/2018 (nam), hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N, cháu P không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị H. Xét thấy, chị H hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị H khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự

vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Huỳnh H đối với bị đơn anh Sơn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Huỳnh H được ly hôn với anh Sơn P.

- Về con chung: Giao con chung Sơn Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/8/2018 (nữ); Sơn Huỳnh P, sinh ngày 06/8/2018 (nam), cho chị Thạch Thị Huỳnh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu N, P đến đủ 18 tuổi.

Anh Sơn P không phải cấp dưỡng nuôi con, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sơn Thị Huỳnh N, Sơn Huỳnh P của chị Thạch Thị Huỳnh H thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị H khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị H khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0003833, ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Sơn P không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND phường P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng